

ĐẠO LÀM CON TRONG CA ĐẠO

Con người có bố có ông, Như cây có cội, như sông có nguồn.

Người Việt thường lấy chữ hiếu làm trọng. Đã có thời gọi là đạo hiếu hay đạo làm con. Đạo là một lối sống ngang hàng như khuôn phép của một tôn-giáo. Nếu lấy việc thờ Trời là Đạo của người bình-dân Việt-nam, thì việc phụng-dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà tổ-tiên là thực-hành phần hình nhi hạ của đạo thờ Trời. Đó là điểm đặc-sắc của văn-hoá Việt. Ngày nay chúng ta còn giữ được đạo hiếu là còn giữ được một phần văn-hoá dân-tộc, còn giữ được nền-tảng gia-đình Việt-nam. Làm trai nết đủ trăm đường, Trước tiên điều hiếu: đạo thường xưa nay. Công cha đức mẹ cao dày, Con mang trứng nước những ngày ngây thơ. Nuôi con khó nhọc đến giờ, Trưởng thành con phải biết thờ hai thân. Thức khuya dậy sớm cho cần, Quạt nồng ấp lạnh giữ phần đạo con. Gần g?i nhất, hiếu là sự đối-xử tốt đẹp của con cái đối với cha mẹ. Xa hơn hiếu còn là sự kính-trọng biết ơn của con cháu đối ông bà, tổ-tiên. Vua tôi sẵn có nghĩa dày, Cha con thân lắm, đấng người nên trông. Khi áp lạnh, lúc quạt nồng, Bữa dâng ngon-ngọt, bữa dùng sớm trưa. Ở cho thoả chí người xưa, Đền ơn trả nghĩa thưở xưa bé bỏng. Ca-dao nhìn hiếu một cách thực-tế và gắn liền với cuộc sống hằng ngày. Tuy chỉ là nh?ng lời ca ngắn gọn, nhưng cũng bao gồm được nhiều vấn-đề về hiếu rất thú-vị.

HIẾU Là biết Công-on cha mẹ sinh-thành:

Công on sinh ra và nuôi dưỡng từ ngày còn ấu-thơ: Ba năm bú mớm con thơ, Kể công cha mẹ biết cơ-ngần nào! Dạy rằng chín chữ cù-lao

Bề sâu không ví, trời cao không bì. Trong xã-hội nông-nghiệp, người mẹ thường tự tay nuôi con thơ. Chẳng những cái ăn cái ngủ của con lệ-thuộc vào mẹ; mà chính cái ăn cái ngủ của mẹ cũng tùy thuộc vào con: Gió mùa thu, mẹ ru con ngủ, Năm canh chầy, thức đủ năm canh. Nhiều người mẹ đã gầy-mòn khô-héo vì thức khuya dậy sớm nuôi con: Ngày nào em bé con-con, Bây giờ em đã lớn khôn thế này: Con cha, áo mẹ, công thầy, Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước-ao. Nuôi con cho được vuông tròn, Mẹ thầy dầu-dãi, xương mòn gối long. Con ơi, cho tròn hiếu trung, Thảo ngay một dạ, kéo luống công mẹ thầy. Nhớ công on nuôi dưỡng của cha mẹ dành cho mình là khởi đầu của lòng hiếu thảo: Ôn cha nặng lắm ai ơi, Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang. Công on cha mẹ mang-mang cùng đất trời. Nhìn vào đầu con-cái cũng thấy công on cao dày của cha mẹ: Công cha như núi ngất trời, Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông. Núi cao biển rộng mênh-mông, Cù-lao chín chữ, ghi lòng con ơi! Hiếu là căn-bản của đời sống Việt-nam. Chính cha mẹ cũng luôn nhắc nhở con-cái mình về công-on lớn-lao như trời biển của đấng sinh-thành dưỡng-dục: Mẹ nuôi con bấy lâu rồi, Nuôi con cho đến thành người mới nghe. Công cha như núi Thái-sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha, Cho tròn chữ hiếu, mới là đạo con.

2. Hiếu là nhớ thương cha mẹ khi xa-cách:

Trong xã-hội nông-nghiệp, con-cái khi trưởng thành, thường sống chung hoặc sống gần-gũi với cha mẹ. Con trai thường xa nhà khi đi lính hoặc đi làm quan sau khi đỗ-đạt. Con gái thường xa nhà khi phải lấy chồng xa. Lòng hiếu được giải bày qua những lời tâm-sự nhớ thương. Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng, Thương cha nhớ mẹ quá

chùng bạn ơi. Ngó lên, ngó xuống thì vui, Ngó về quê mẹ ngâm-ngùi nhớ thương. Niềm nhớ thương đàng-đẵng suốt cả cuộc đời: Ngó lên dằng-dạng da trời, Thương cha nhớ mẹ biết đời nào nguôi. Xót xa thay cho nỗi nhớ thương của người con phải lìa xa cha mẹ: Vẳng nghe chim vịt kêu chiều, Bâng-khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau. Thương thay chín chữ cù-lao, Ba năm nhũ-bộ biết bao nhiêu tình. Dù cha mẹ có già-nua đi nữa, việc xa cha mẹ vẫn là một điều đau-khổ cho con cái: Cha già tuổi đã dư trăm, Chạnh lòng nhớ tới, dầm dẫm châu sa. Thương cha nhớ mẹ quay-quắt trong lòng, đôi khi xáo-trộn cả sinh-hoạt hằng ngày. Chỉ nghĩ đến cha mẹ không được săn-sóc cho được ấm no, người con xa nhà khó lòng vui thú sinh-hoạt hiện-tại dù chỉ là một bữa ăn hằng ngày: Gió đưa cây cửu lý hương, Giờ xa cha mẹ thất thường bữa ăn. Sầu riêng bữa chẳng muốn ăn, Đã bung lấy bát lại dằn xuống mâm Ngay cả khi đã lớn, thành vợ thành chồng mà cha mẹ chẳng còn thì hằng ngày lòng nhớ thương vẫn canh-cánh bên lòng: Anh làm rể bên em, có cha mà không có mẹ Em làm dâu bên anh, có mẹ mà không có cha. Bữa ăn nước mắt nhỏ sa, Thân-phụ ơi thân-phụ hỡi, đi đâu mà bỏ con. Câu cuối nghe xót-xa như tiếng khóc ni-non trong một đám tang. Nỗi nhớ thương, lòng biết ơn sâu-xa càng hiện rõ khi mình nuôi-dưỡng chính con-cái của mình: Nuôi con mới biết sự tình, Cảm thương cha mẹ nuôi mình ngày xưa.

3. HIẾU Là PHỤNG DƯỠNG MẸ CHA

Ngồi buồn thương mẹ nhớ cha, Gối loan ai đỡ, kỷ trà ai nâng. Không được gần-gũi, kề-cận với cha mẹ già tạo ra nhiều lo-lắng nhớ thương: Đi đâu mà bỏ mẹ già, Gối nghiêng ai sửa, chén trà ai dâng? Không phụng-dưỡng được mẹ cha, xem như là bất hiếu: Mẹ già ở tám lều

tranh, Đói no không biết, rách lành chẳng hay. Nuôi-dưỡng, săn-sóc cha mẹ khi già-yếu là hình-thức hiếu căn-bản trong đời sống gia-đình: Mẹ già đầu bạc như tơ, Lưng đau con đỡ, mắt mờ con nuôi.

Ngày đêm may vá kiếm tiền, Trước nuôi cha mẹ, sau tuyền đạo con. Sự phụng-dưỡng không đòi hỏi phải cao-sang. Cung-cách phụng-dưỡng mới nói lên được lòng hiếu-thảo: Anh đi vắng cửa vắng nhà, Giường loan gối quê, mẹ già ai nuôi! Cá rô anh chặt bỏ đuôi, Tôm càng bóc vỏ, anh nuôi mẹ già.

Ba tiền một khứa cá buổi, Cũng mua cho được mà nuôi mẹ già. Người Huế có thêm một cách phụng-dưỡng rất địa-phương: Tôm rần lột vỏ, bỏ đuôi, Gạo de An-cự mà nuôi mẹ già. Con-cái ăn gì thì cha mẹ già ăn thứ đó, không đòi-hỏi phải cao-sang. Với gia-đình bình-dân thì cơm với cá là món ăn căn-bản cho cha mẹ. Nếu có một chút hy-sinh quyền-lợi căn-bản của chính mình, như nhịn phần cơm của mình để nuôi cha mẹ, thì lòng hiếu mới trọn vẹn. Đói lòng ăn hột chà-là, Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng. Đói lòng ăn trái ổi non, Nhịn cơm nuôi mẹ, cho tròn nghĩa xưa. Ngày nay chúng ta vẫn còn tiết-kiệm từng miếng ăn, từng mảnh áo, để có ít tiền gửi về cho cha mẹ ở nơi xa. Đáng kính thay lòng hiếu-thảo của người con Việt-nam. Lòng hiếu của người bình-dân thiết-tha, đậm-đà và thực-tế hơn cảnh cắt thịt của mình cho cha mẹ ăn, hay ôm gốc măng mà khóc như trong Nhị thập tứ hiếu của Nho-gia. Nêu phải xa nhà vì công việc làm ăn, người chồng dặn-dò người vợ trẻ một vài phương cách phụng-dưỡng mẹ già thay mình. Liệu mà thờ kính mẹ già, Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười. Dù no dù đói cho tươi, Khoan ăn bớt ngủ, liệu bài lo toan.

4. HIẾU Là Thành đạt:

Thành-công trong công việc làm ăn, đạt được công-danh qua việc học-hành thi-cử cũng là một hình-

thức báo-hiếu, tức là làm rạng-rỡ danh-giá tổ-tiên, nhưng cũng là phương-cách có nhiều tiền để giúp cho việc phụng-dưỡng mẹ cha được chu-đáo hơn, mới gọi là đền ơn cha mẹ cho tròn chữ hiếu. Ngó lên trời, trời cao lòng-lộng, Ngó xuống đất, đất rộng mệnh-mông. Biết rằng chừ cá gáy hóa rồng, Đền ơn thầy mẹ ăm bồng ngày xưa. Quan-niệm này vẫn còn ảnh-hưởng đến chúng ta cho đến ngày nay. Nhiều phụ-huynh đã khuyến-khích, đã hy-sinh tồn kém cho con-cái học xong bốn năm đại-học. Phần lớn con em chúng ta đạt được cấp bằng tiến-sĩ, cử-nhân đủ mọi ngành. Đó là thành-quả đẹp, khởi đi từ lời ca văng-vẳng từ ngàn xưa: Con ơi muốn nên thân người, Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha. Gái thời dệt gấm thêu hoa, Khi vào canh-cửi, khi ra thêu-thùa. Trai thời đọc sách ngâm thơ, Dùi mài kinh-sử để chờ kịp khoa. Mai sau nổi được nghiệp nhà, Trước là đẹp mặt, sau là ăm thân. Cần-cù chăm-chỉ cây-cày cũng là hiếu, vì hoa-màu thu-hoạch lại được dùng trong việc phụng-dưỡng mẹ cha: Em thì đi cấy ruộng bồng, Anh đi cắt lúa để chung một nhà. Đem về phụng-dưỡng mẹ cha, Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền. Làm ăn được mùa cũng dễ-dàng thực-hiện lòng hiếu-thảo: Trời cho cây cấy đầy đồng, Xứ nào xứ ấy trong lòng vui ghê. Một mai gặt lúa mang về, Thờ cha kính mẹ nhiều bề hiếu trung.

5. HIẾU là biết phụng-thờ tổ-tiên

Trứng rồng lại nở ra rồng Hạt thông lại nở cây thông rườm-rà. Có cha có mẹ mới có ta, Làm nên thời bởi mẹ cha vun trồng. Khôn-ngoan nhờ đức cha ông, Làm nên phải đoái tổ-tông phụng-thờ. Đạo làm con chớ hững-hờ: Phải đem chữ hiếu mà thờ từ-nghiêm. Thờ, ngày xưa còn có nghĩa là phụng-dưỡng cha mẹ với lòng tôn-kính. Ngày nay thờ mang nặng ý-nghĩa tôn-giáo, chỉ dành cho người quá cố. Ngó lên trời thấy cặp cu đang đá Ngó ra ngoài biển thấy

cặp cá đương đua Đì về lập miếu thờ vua, Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha. Đó là những lời ca mẹ ru con ngủ. Nghe mãi nghe hoài con trẻ cũng nhớ vào lòng. Lập trang ở trong nhà để được giữ hình-ảnh mẹ bên cạnh. Còn cha thì thờ ở chùa là nơi công-cộng trong xóm làng, nơi làm sáng danh gia-đình với xã-hội. Người Việt đi đâu cũng mang theo gia-đình. Ngày trước khi di-cư vào nam, chúng ta mang theo cả gia-đình. Ngày nay di-tản ra hải-ngoại, chúng ta không chỉ mang theo vợ chồng con-cái, mà còn mang theo cả ông bà, cha mẹ. Thờ cha mẹ, ở hết lòng, Ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường.

Phụ mẫu bên anh cũng như phụ-mẫu bên nàng, Lễ thường anh cũng phải tạc đá bia vàng để thờ chung. Một điểm đặc-biệt trong văn-hóa gia-đình Việt-nam là con rể hay con dâu đều gọi cha mẹ chồng hay cha mẹ vợ là cha mẹ. Cha mẹ hai bên là tứ thân phụ-mẫu. Xem đó là liên-hệ trực-tiếp trong gia-đình. Cha mẹ chồng, cha mẹ vợ đều được gọi là cha mẹ, cùng một từ như cha mẹ ruột. Cha mẹ gọi con dâu hay con gái với một từ chung là con. Từ con do cha mẹ gọi ra không có sự phân-biệt con trai hay con rể. Việc gọi chung từ con, cha, mẹ không thể là sự ngẫu-nhiên của ngôn-ngữ, mà là một điểm son của văn-hóa gia-đình. Việt-nam rất giàu từ-ngữ để chỉ sự khác biệt về sự liên-hệ gia-đình gián-tiếp như: nội-ngoại, bác-bác, chú-thím, cậu-mợ, cô-dượng, di-dượng, anh-chị ... Thực-tế có sự khác-biệt về tình-cảm và huyết-tộc giữa cha mẹ ruột với cha mẹ chồng hoặc cha mẹ vợ, nhưng tập-tục và đời sống khi thực-hành chữ hiếu đã nâng tứ thân phụ mẫu ngang hàng với nhau: Phụ-mẫu thiếp cũng như phụ-mẫu chàng, Hai bên phụ-mẫu tạc bốn chữ vàng thờ chung. Ngay cả khi vợ chồng xa nhau rồi, lòng hiếu với cha mẹ đôi bên cũng không hề thay đổi. Đáng cảm-phục thay tình gia-đình của người bình-dân Việt-nam. Phụ-mẫu tình thâm, Phu-

thê nhân ngãi trọng, Một mai anh có xa em rồi, em thờ vọng mẹ cha.

Anh đi ghe cá cao cò, Ai nuôi cha mẹ, ai thờ tổ-tiên? Phụng-thờ tổ-tiên là điểm đặc-biệt của văn-hóa Việt-nam. Người bình-dân sống tự-nhiên thoải mái với việc cầu Trời và thờ Ông bà tổ-tiên của mình. Xem việc phụng-thờ ông bà tổ-tiên là lối sống tự-nhiên, là một phương-cách biểu-lộ lòng hiếu-thảo với cha mẹ. Khi cha mẹ, ông bà đã qua đời, hiếu được bày tỏ qua sự tôn-kính phụng thờ: Công danh hai chữ tờ-mờ, Lầy gì khuya sớm phụng thờ tổ-tiên. Khi cha mẹ già yếu thường ở chung với con cái. Khi cha mẹ ốm đau con cái tự tay săn-sóc. Khi cha mẹ lâm-chung con cái thường gần-gũi bên cạnh. Nếu không được như vậy thì ít nhất cũng phải chịu tang. Kim-Trọng từ-giã Thúy-Kiều đề về thọ tang cha, Nguyễn đình Chiêu bỏ thi để về chịu tang mẹ. Chữ rằng: vẫn tổ tâm tông, Cháu con nỡ bỏ cha ông sao đành. Đau xót nhất là sự chia xa đôi ngãi âm dương. Chúng ta từng biết nhiều bài điệu văn xót-xa thăm-thía giữa người ở lại khóc kẻ ra đi. Trong văn-chương bình-dân cũng có vài bài văn tế. Đặc-biệt nhất là bài ca-dao tế mẹ: lời lẽ thiết-tha, ý-tình thống-thiết: Trời hời Trời ! Sao dời vật đôi. Nên chi cỏ héo hoa sầu ! Kể từ ngày nương tựa lều tranh Công ơn mẹ kể không xiết kể ! Tuần cay đắng chín trắng có lẽ Chữ sinh-thành nghĩa mẹ tày non Bên ướm mẹ nằm bên rảo phần con. Mẹ nuôi con vuông tròn khôn lớn Cho con xin đèn miếng ngọt mùi ngon. Nào hay đâu bóng xế đầu non Trong phút chốc đã phân chia đôi ngãi ! Đêm năm canh nghe con ve kêu giục-giã Ngày sáu khắc nhìn đèn hắt-hiu ! Con đương mơ-màng, sức tiếng mẹ kêu Muốn tìm mẹ, tìm sao vắng mẹ ? Ba tác đất, táng an theo lệ Tâm lòng thành chưa thỏa lòng con. Chôn mộ phần con gởi nước non Một chén rượu ngọt, giã-từ thân mẹ. Ô hô ! Ai tai ! Phục duy thượng hưởng ! Xa đồng mà không

trông thấy ! U hu ! Mai đà hạc lánh hình du Tây phương đất Phật, mẹ đi không về !

Mồ yên mã đẹp cũng là một hình-thức báo hiếu. Điều này vẫn còn ở trong lòng những người con phải đi lập nghiệp phương xa. Khi điều-kiện kinh-tế cho phép, một trong những việc hiếu đầu-tiên là chỉnh-trang nhà thờ và lăng-mộ tổ-tiên. Ôn cha ba năm tình thâm lai-lãng, Nghĩa mẹ đậm-đà chín tháng curu mang. Bên ướm mẹ nằm, bên rảo con lăn. Biết lầy chi đèn nghĩa khó-khăn, Đôi đũa ta lên non xắn đá, xuống xây lăng phụng thờ. Việc kỵ-giỗ, chú trọng đến lòng kính-mến nhớ thương. Bàn thờ lạnh-tanh, không hương khói ám cúng, là điều đau lòng cho con-cái. Ngó lên nhang tắt, đèn mờ, Mầu thân đau vắng, bàn thờ lạnh tanh. Ngay cả cỗ bàn khi kỵ-giỗ cũng đơn-giản thôi. Đó là những món ăn thân-thiết, bình-dị, dân-dã trong đời sống hằng ngày như rau muống, nước tương mà cô thôn-nữ đã dùng để phụng-dưỡng cha mẹ già. Nhà em có vại cà đây, Có ao rau muống, có đầy chum tương. Dù không mỹ-vị cao-lương, Trên thờ cha mẹ, dưới nhường anh em. Một nhà vui-vẻ êm-đềm, Đói no tùy cảnh, không thêm lụy ai. Chỉ những người giàu sang, mới có cỗ bàn đầy xôi thịt: Cồng-cộc bắt cá dưới bầu, Cha mẹ mảy giàu, đám giỗ đầu heo. Trong việc thờ phụng hiếu với mẹ cha được xem trọng hơn là nghĩa vợ chồng: Anh chết ba năm sống lại một giờ, Để xem người ngọc phụng-thờ ra sao ? Thờ chàng đĩa muối đĩa rau, Thờ cha kính mẹ mâm cao cỗ đầy. Kỵ-giỗ là một phương-cách tuyệt-vời để duy-trì và phát-huy tinh-thần gia-tộc. Trong mùi trầm hương lằng-lằng ngào-ngạt của một lễ giỗ rất dễ cho ta nhận ra tinh-thần ông bà tổ-tiên hiện-hữu qua hình-dạng, qua phong-cách của chúng ta và của đám con cháu đang quay-quần trước bàn thờ. Vì tính-cách nhân-bản và thiết-thực của việc thờ cúng ông-bà

tổ-tiên, mà các tôn-giáo khi du-nhập vào Việt-nam đã dễ-dàng hòa-đồng với niềm tin này. Nho, Thích, Lão đã được thờ chung với ông-bà tổ-tiên. Gần đây giáo-quyền Công-giáo đã có tông-thư để giáo-hữu tham-dự hay tổ-chức lễ giỗ ông-bà tổ-tiên. Dù theo tôn-giáo nào, người Việt-nam cũng giữ việc thờ-kính tổ-tiên.

6. PHÂN-VÂN Giữa hiếu và tình

Đã có nhiều thiếu-nữ quyết-định không lập gia-đình riêng vì muốn gần-gũi cha mẹ để lo tròn chữ hiếu. Thay cha mẹ để nuôi dưỡng em-út cũng là một cách thực-hành chữ hiếu. Cũng có nhiều người chị cả không chịu lấy chồng, ở vậy để nuôi-nấng đàn em khi mẹ cha không may đã qua đời quá sớm. Ôn hoài thai như biển, Ngãi dưỡng-dục, tợ sông. Em nguyên ở vậy phòng không, Lo đàng cha mẹ cho hết lòng phận con. Ôn mẹ như biển, nghĩa cha như sông. Biển bao-la rộng lớn hơn sông. Ôn mẹ thật-sự lớn hơn nghĩa cha. Niềm kim thạch, nghĩa cù lao, Bên tình bên hiếu, ở sao cho tuyền. Con trai mới lớn, còn ở với mẹ cha đôi khi gặp khó-khăn giữa việc: hiếu với mẹ cha hay trọn tình với người yêu: Chim kêu ải Bắc, non Tần, Nửa phần thương mẹ, nửa phần thương em ? Thì người con gái thường giúp cho người yêu hoàn-thành chữ hiếu để giữ trọn chữ tình: Anh đã có vợ hay chưa, Mà anh ăn nói gió đưa ngọt-ngào? Mẹ già anh ở nơi nao? Để em tìm vào hầu-hạ thay anh. Người con trai muốn sống trọn hiếu và tình, thường đặt câu hỏi với người yêu để thay cho lời trần tình, hay lời cầu xin: Đèo nào cao cho bằng đèo Châu-đốc, Đát nào dốc cho bằng đất Nam-vang. Một tiếng em than: hai hàng lụy nhỏ, Anh có mẹ già biết bỏ ai nuôi. Nước chảy xuôi, con cá xuôi ngược, Anh muốn thương nàng, biết được hay không? Các nàng này thực-tế và khôn-ngoa, biết rằng con trai khi đã hiếu với mẹ thì thường yêu-thương và chung tình

với vợ, nên các nàng không ngần ngại trả lời: Mẹ già là mẹ già chung, Anh lo thang thuốc, em giùm cháo com.

Mẹ già hai đứa nuôi chung, Đứa lo com cháo, đứa giùm thuốc-thang. Tự-lực văn-đoàn với chủ-trương 'hoàn-toàn theo mới' đã nặng tay đả-kích cảnh mẹ chồng nàng dâu của ảnh-hưởng Nho-giáo, mà bỏ qua những tình-hiếu đẹp-đẽ của nàng dâu và mẹ chồng trong nếp sống bình-dân. Trong ca-dao tình và hiếu giao-hòa với nhau, tạo nên tình gia-đình triu-mền hạnh-phúc. Nhiều thiếu-nữ cũng gặp khó-khăn trên. Họ đòi hỏi người yêu phải thông-cảm: Chàng ơi: ơn thầy ba năm cúc-dục, Nghĩa mẹ chín tháng cưu mang. Ai đền ơn cho thiếp, Mà nhũ thiếp trao ân tình.

Chẳng lo thân bậu với qua, Lo chút mẹ già đầu bạc tuổi cao. Chim còn mền cội mền cành, Anh cũng biết cho em Còn mền nghĩa sinh-thành của mẹ cha. Cho đến ngày cưới, người con gái thích thừa trình và tạ ơn cha mẹ trong khuôn phép lễ-nghi của gia-đình. Con lạy cha hai lạy một quỳ, Lạy mẹ bốn lạy, con đi lấy chồng. Nếu có người con gái nhẹ dạ theo chàng, nàng phân-vân đặt câu hỏi cho chính mình hay cho chàng: Nhớ hồi mẹ đẻ thiếp ra, Nhai cơm sún nước, lớn mà chùng ni. Nghe lời chàng, bỏ mẹ ra đi, Thắt hiếu với phụ-mẫu, Có hề chi không, hỡi chàng ? thì người thanh-niên cũng nhẹ-nhàng khuyên-nhủ người yêu hãy lo công cha nghĩa mẹ trước: Công cha nghĩa mẹ ai đền, Mà em ôm áo, ôm mền theo anh? Với người con gái chữ hiếu thường nặng hơn chữ tình: Công sinh-dục bằng công tạo-hóa, Có mẹ cha, sau mới có chồng. Em nhớ khi dìu-dắt ẵm bồng, Nay em lao-khổ nãi-nùng, không than. Nếu tình-duyên trắc-trở, thì phụng-dưỡng mẹ già cũng là một phương-cách giải-quyết tốt đẹp: Nên thì lập kiềng trồng hoa, Chẳng nên đá kiềng trồng cà dái dê. Chẳng nên thiếp trở lộn về, Dường nuôi từ-mẫu trọn bề hiếu trung.

7. Hiếu và bỏ nhà đi tu

Đi tu đối với người bình dân là cắt đứt mọi liên-lụy tình-cảm, trong đó có tình gia-đình. Điều này không được chấp-nhận. Đối với họ: hiếu cũng là tu. Đạo hiếu thực-tế hơn. Tu đâu cho bằng tu nhà, Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu. Hiếu là đạo sống của người bình-dân Việt-nam. Nếu phải lựa chọn, chắc-chắn người con có hiếu sẽ chọn việc đền-đáp công-ơn mẹ trước khi bỏ nhà lên chùa với Phật. Lên chùa thấy Phật muốn tu, Về nhà thấy mẹ công-phu chưa đền. Chính giáo-lý nhà Phật cũng quan-niệm: cha mẹ ở nhà như là Phật ở trần thế. Có hai Phật sống trong nhà: Sớm hôm lễ niệm đi xa đâu cần. Hoặc mạnh-dạn và rõ-ràng hơn: Cha già là Phật Thích-ca, Mẹ già đích thị Phật bà Quan-âm. Nếu phải lo tròn chữ hiếu rồi mới được vào chùa, thì việc tu-hành sẽ khó đạt được với người con có lời cầu-xin cha-mẹ sống đời với con: Đêm đêm thấp ngọn đèn trời, Cầu cho cha mẹ sống đời với con Và như vậy, dù cha mẹ không sống đời với con thì trách-nhiệm với cha mẹ cũng còn mãi cho đến ngày để chế mang tang cho cha mẹ: Một mai bóng xế cội từng, Mũ rơm ai đội, áo thùng ai mang. Và nếu đã đi tu rồi, thì cũng khó tránh được miệng tiếng của thế-gian: Tiểu kia đến ở chùa ta, Một là giận mẹ, hai là giận thân. Đêm nằm mà nghĩ xa gần, Con người như thế đem thân ở chùa. Ở chùa ăn những tương chua, Ăn rau muống héo, ăn dưa cần già. Sao không nghĩ đến cửa nhà, Bát cơm manh áo, mẹ già ai nuôi? Có suy-nghĩ xa gần đó, nhưng vẫn thấy việc lo bát cơm manh áo cho mẹ già là quan-trọng hơn, là đáng làm trước khi đem thân ở chùa. Chúng ta phải nỗ-phục người bình-dân trong việc hội-nhập giáo-lý Phật-giáo vào văn-hóa dân-tộc.

8. một triết-lý Dân-tộc việt trong ca-dao

Trên đây chúng tôi chỉ sưu-tập và trình-bày sơ-lược một số câu ca-dao

theo chủ-đề chữ hiếu, chưa đến lúc đi sâu vào nội-dung từng bài để tổng-hợp rồi trình-bày như là một quan-điểm triết-lý cho đời sống của người bình-dân Việt-nam. Thật ra người bình-dân không cần những điều mà tôi muốn làm. Họ chỉ cần những bài ca để ru con. Những bài ca chan-chứa tình người, tình gia-đình. Họ hát lên như một lời trình-bày, như một lời cầu mong, như một sự gởi-gắm. Họ mong rằng con cháu nghe qua, tự rút ra cho mình những tình-cảm, những phương-cách sống về sự liên-hệ giữa con cái với cha mẹ, ông bà. Nhưng không phải vì sự bình-di, đơn giản của người bình-dân mà chúng ta lại cho rằng người Việt-nam không có một nền triết-học dân-tộc như của Tàu, của Tây. Họ có đó, nhưng muốn hiểu được triết-lý của họ, chúng ta phải trở về với họ bằng tâm-tình, bằng hồn dân-tộc, hơn là bằng khoa-học lý-trí. Tôi cảm thấy không vui lúc biết các cụ đồ Nho đùa-bỡn văn-học bình-dân bằng câu: Nôm-na là cha mách-qué, Mách-qué là mẹ nôm-na. Ngày nay chủ thuyết vô gia-đình và tự-do cá-nhân đã đưa đến cảnh: con phê-phán mẹ cha, hoặc thoát-ly gia-đình quá sớm. Cả hai chủ-thuyết trên đã làm tan-rã gia-đình, gây nhiều khó-khăn cho đời sống của con-cái và làm lung-lay lòng hiếu-thảo của người Việt-nam.

Nguyễn văn Mỹ 10, 2007

Tài-liệu tham-khảo: Phong-tục miền nam qua mấy vần ca-dao của Đào văn Hội do Nhà sách Khai-trí, Saigon 1961. Việt-nam thi-văn hợp tuyển của Trần trọng Kim do Bộ Giáo-dục tái-bản, Sài-gòn 1968 Kinh thi Việt-nam của Trương Tửu, do Xuân-Thu tái-bản, Texas 1984. Về với Ca-dao của Duyên Anh do Vũ Trung Hiền xuất-bản, California 1995. Kho tàng ca-dao người Việt của nhóm Nguyễn xuân Kính do Văn-hóa xuất-bản, Hà-nội 2001 Hương Hoa Dân Việt của Lê Mộng Thường do Xuân-Thu phát-hành, Texas, không ngày tháng. Ngôn-sứ Thời-đại Mới của Nguyễn Chính Kết do Hy-vọng xuất-bản, Hoa-kỳ 2001. Sưu tập Ca dao Việt-nam của Hà Phương Hoài trong e.cadao.com, Michigan 2003